

DANH SÁCH CÁC LOẠI PHÂN BÓN MỚI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TT-ĐPB ngày tháng 3 năm 2009 của Cục trưởng Cục Trồng trọt)

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng đăng ký
1	Phân bón lá Vi sinh hương quế chuyên cho lúa và đậu	Cfu/ml	Lactobacillus: 1×10^5 ; Saccharomyces ereviside: $5,7 \times 10^7$; Aspergillus oryzae: 11×10^5 ; Rhododopseudomonas: $5,7 \times 10^8$
	Phân HCVS COBAY	%	HC: 25; Axit Humic: 3,4; N- P_2O_{5hh} -K ₂ O: 1-2-0,3; S: 1; Fe: 0,2; CaO: 5,6; MgO: 0,2; Zn: 0,01; Mn: 0,05; Độ ẩm: 30
		ppm	B: 120; Cu: 35; Co: 18
		Cfu/g	Trichoderma: 1×10^6
	Phân HCK (HC đậm đặc) COBANIC	%	HC: 55; Axit Humic: 4,5; N- P_2O_{5hh} -K ₂ O: 3-3-2; S: 1; Fe: 0,16; CaO: 5,6; MgO: 1,1; Zn: 0,03; Mn: 0,05; Độ ẩm: 20
		ppm	B: 120; Cu: 40; Co: 30
	Phân HCK COVAMAX	%	HC: 15; Axit Humic: 2,5; N- P_2O_{5hh} -K ₂ O: 4-3-2; CaO: 2; Độ ẩm: 20
		ppm	Mg: 200; Cu: 300; Fe: 100; Zn: 30; Mn: 500; B: 100
			pH: 6,4
	Phân HCSH SM MAXI - Số 1	%	HC: 23; Axit Humic: 2,5; N- P_2O_{5hh} -K ₂ O: 2,5-2-1; CaO: 1; Độ ẩm: 20
		ppm	Mg: 200; Cu: 300; Fe: 100; Zn: 30; Mn: 500; B: 100
			pH: 6,7
	Phân HCSH SM MAXI-PHOS	%	HC: 23; Axit Humic: 2,5; N- P_2O_{5hh} -K ₂ O: 2,5-7-1; CaO: 3; Độ ẩm: 20
		ppm	Mg: 200; Cu: 300; Fe: 100; Zn: 30; Mn: 500; B: 100
			pH: 6,8
	Phân HCSH SM MAXI - BỘT CÁ	%	HC: 23; Axit Humic: 2,5; N- P_2O_{5hh} -K ₂ O: 2,5-3-2; Bột cá: 50; CaO: 3; Độ ẩm: 20
		ppm	Mg: 200; Cu: 300; Fe: 100; Zn: 30; Mn: 500; B: 100
			pH: 6,8
	Phân bón lá SM-MAXI-L1	%	Axit Humic: N- P_2O_5 -K ₂ O: 18-18-18; Mg: 0,2; α-NAA: 0,5
		ppm	Cu: 300; Fe: 100; Zn: 300; Mn: 500; Mo: 50; B: 100
	Phân bón lá SM-MAXI-L2	%	Axit Humic: N- P_2O_5 -K ₂ O: 4-40-15; Mg: 0,2; Glycine: 0,2; Methionine: 0,3; Tryptophan: 0,1; Lysine: 0,2; Glutamic axit: 0,9; Alginic Axit: 0,8
		ppm	Cu: 300; Fe: 100; Zn: 300; Mn: 500; Mo: 50; B: 100
	Phân hón lá SM-MAXI-I 3	%	Axit Humic: N- P_2O_5 -K ₂ O: 15-15-30; Mg: 0,2; α-NAA: 0,1; GA3: 0,05

		ppm	Cu: 300; Fe: 100; Zn: 300; Mn: 500; Mo: 50; B: 100
		%	Axit Humic: N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-5-40; Mg: 0,2; α-NAA: 0,05; GA3: 0,05
	Phân bón lá SM-MAXI-L4	ppm	Cu: 300; Fe: 100; Zn: 300; Mn: 500; Mo: 50; B: 100
			pH: 6,5-7
		%	Axit Humic: N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-5-5; GA3: 0,02; α-NAA: 0,05
	Phân bón lá SM-MAXI-L5	ppm	Mg: 2000; Cu: 3000; Fe: 1000; Zn: 3000; Mn: 5000; Mo: 5000; B: 5000
			pH: 6,5-7,2
2	Phân bón lá SM-MAXI-L6	%	Axit Humic: N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-5-3; Mg: 0,2; Glycine: 0,2; Methionine: 0,3; Tryptophan: 0,1; Lysine: 0,2; Glutamic axit: 0,9; Alginic Axit: 0,8
		ppm	Cu: 300; Fe: 100; Zn: 300; Mn: 500; Mo: 50; B: 100
			pH: 6,5-7
3	Phân bón lá SM-MAXI-L7	%	Axit Humic: N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-4-2; CaO: 1; GA3: 0,02; α-NAA: 0,1
		ppm	Mg: 2000; Cu: 3000; Fe: 1000; Zn: 3000; Mn: 5000; Mo: 5000; B: 5000
			pH: 7-7,2
	Phân bón lá SM-MAXI-L8	%	Axit Humic: N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2-5-2; CaO: 1; GA3: 0,05; α-NAA: 0,1
			pH: 7-7,5
	Phân HCVS An Bình	%	HC: 15; Axit Humic: 4,5; Độ ẩm: 30
		Cfu/g	VSV cố định đạm, phân giải lân và Xenlulo: 1x10 ⁶ mỗi loại
4	Phân bón lá CCN-01	%	HC: 7,4; Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,1-0,05-0,7
		ppm	Cu: 0,2; Fe: 20; Zn: 2,5
			pH: 7,2
	Phân bón lá CCN-02	%	HC: 8,1; Axit Humic: 2,7; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,7-3,4-0,9
		ppm	Cu: 0,2; Fe: 20; Zn: 2,5
			pH: 5,4
5	Phân bón lá BIOSAR-3 ĐHCT chuyên lúa	mg/l	Cu: 3.118,69; Cl: 3492,04
			pH:
6	Phân VSV cố định đạm và phân giải lân DASVILA chuyên lúa	Cfu/g	Pseudomonas spp; Azospirillum lipoferum: 1x10 ⁹ mỗi loại
7	Phân bón lá Điền Mỹ	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-4-1
		ppm	MgO: 500; Ca: 1000; Fe: 600; Cu: 600; Zn: 500; Mn: 900; B: 90
	Phân bón lá Phú Điền	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 6-4-2
		ppm	MgO: 500; Ca: 500; Fe: 500; Cu: 500; Zn: 250; Mn: 500; B: 180
8	Phân HCK Ngọc Trung	%	HC: 15,4; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 6,65-3,56-2,62; Độ ẩm: 19,17

10	Phân HCSH Ánh Dương	%	HC: 23; Axit Humic: 5,1; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-2-4; Độ ẩm: 25
			pH: 6,5
	Phân HCVS Ánh Dương	%	HC: 17; Axit Humic: 5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1-1-1; Độ ẩm: 30
		Cfu/g	Streptomyces.sp; Aspergillus.sp; Bacillus.sp: 1x10 ⁶ mỗi loại
	Phân bón lá HCVS Ánh Dương	%	HC: 50; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-1-1; Axit Glutamic: 0,08; Serine: 0,03; Histidine: 0,02; Valine: 0,11; Isoleucine: 0,08; Phenylalanine: 0,07; Glycine: 0,01; Aginine: 0,1; Tyrosine: 0,03; Leucine: 0,13; Lysine: 0,04; Methionine: 0,01
		Cfu/g	Bacillus.sp; Lactose.sp; Saccharomyces.sp: 1x10 ⁶ mỗi loại
11	Phân bón lá Trâu Vàng Canxi	%	N: 15; CaO: 24; MgO: 3; Fe: 0,075; Cu: 0,06; Mn: 0,15; Mo: 0,0015; Zn: 0,03; B: 0,075
		%	Axit Humic: 20; Axit Fulvic: 3; K ₂ O: 8
	Phân bón lá Trâu Vàng K-Humat	%	P-Nitrophenol: 30; Thioure: 50; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-5-10
		ppm	Ca: 6000; Mg: 300; S: 700; Fe: 100; Cu: 100; Mn: 100; Mo: 50; Zn: 300; B: 300
	Phân bón lá Trâu Vàng Kích Ra hoa	%	B ₂ O ₃ : 18; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 6-5-3
		ppm	Mg: 300; S: 700; Fe: 100; Cu: 100; Mn: 100; Mo: 50; Zn: 300; Vitamin B1: 250; Vitamin C: 250
	Phân bón lá Trâu Vàng Chống rụng trái	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 20-10-10; α-NAA: 0,5; Chitine: 2; Vitamin C: 1
		ppm	Mg: 300; S: 700; Fe: 100; Cu: 100; Mn: 100; Mo: 50; Zn: 300; B: 300
	Phân bón lá Mũi tên vàng	%	Oligo Chitosan: 0,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-10-10
		ppm	Mg: 300; S: 700; Fe: 100; Cu: 100; Mn: 100; Mo: 50; Zn: 300; B: 300
	Phân bón lá Mũi tên vàng tăng đề kháng	%	Axit Humic: 5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-9-6
		ppm	Fe: 200; Cu: 50; Mn: 100; Zn: 200; B: 1000
	Phân bón lá Mũi tên vàng phát triển rễ	%	HC: 3; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-1-1
		ppm	MgO: 500; Axit Glutamic: 560; Histidine: 140; Glycine: 70; Lysine: 280; Methionine: 70
	Phân bón lá Mũi tên vàng Amin	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 7,8-16,2-40,5
		ppm	Cu: 50; Mn: 100; Zn: 50; B: 50; Mg: 200; MonoNatrigrutamat: 500
	Phân bón lá DANO TO HẠT	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 7,5-4,6-3,1
		ppm	Cu: 50; Zn: 500; B: 200; Mg: 500; Vitamin B1: 200; Vitamin C: 500
	Phân bón lá DANO TO TRÁI	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 6,6-37,8; Thioure: 2,5
		ppm	MonoNatrigrutamat: 500; Vitamin B1: 200; Vitamin C: 500

	Phân bón lá DANO TO CỬ	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3,9-16,2-2,5
		ppm	Cu: 200; Zn: 200; B: 500; Mg: 300
	Phân bón lá DANO KALI CAO CẤP	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4,8-7,5-40,4; S: 6,8
		ppm	Zn: 200; B: 200; Mg: 200; Thioure: 1000
	Phân bón lá DANO HUMATE CAO CẤP	%	Axit Humic: 29,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,5-4,2-2,5; Thioure: 1,5
	Phân bón lá DANO HUMATE	%	Axit Humic: 2,2; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,7-1,2-0,8
		ppm	MonoNatrigrutamat: 500; Thioure: 1000
	Phân HCSH DANO	%	HC: 23; Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 2,5-1,5-1; Độ ẩm: 20
		Cfu/g	VSV cố định đạm: 1x10 ⁶
	Phân HCVS DANO	%	HC: 16; N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 2,5-2,5-1,5; Độ ẩm: 30
12	Phân bón lá PP1	%	N-K ₂ O: 1,3-4,6; Mg: 3
		ppm	S: 1000; Zn: 1000; B: 100; Mn: 100; NAA: 200; Chitosan: 200
	Phân bón lá PP2	%	N: 4; CaO: 4,5; B: 2,5
		ppm	Mg: 700; Zn: 400; Cu: 400; Mo: 20; Mn: 100; NAA: 200
	Phân bón lá PP3	%	K ₂ O: 6,5; Mg: 3
		ppm	Fe: 300; Zn: 300; Cu: 300; B: 200; Mo: 10; Mn: 100; S: 3600; NAA: 200
	Phân bón lá PP4	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 9-5-4,5; Mg: 3
		ppm	Ca: 3000; S: 400; Fe: 300; Zn: 300; Cu: 400; B: 200; Mo: 20; Mn: 100; Threonine: 100; Arginine: 100; Histidine: 100; NAA: 240
	Phân bón lá PP5	ppm	GA3: 3590; K ₂ O: 4600; Ca: 4900; B: 7500; Mo: 200; NAA: 400
	Phân bón lá PP6	g/l	P ₂ O ₅ -K ₂ O: 55,9-75; Mg: 75; Zn: 67
		ppm	B: 200; NAA: 500; GA3: 500
	Phân HCSH PP9	%	HC: 23; Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,5-2,1-1,5; Độ ẩm: 20
		ppm	Ca: 1000; Mg: 1000; SiO ₂ : 1000; S: 2500; Fe: 300; Zn: 300; Cu: 200; B: 300; Mo: 50; Mn: 100; Alenine: 100; Axit Folic: 100; Methionine: 100; NAA: 25
	Phân HCK PP10	%	pH: 6,5
		ppm	HC: 15; Axit Humic: 2; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1,6-1,6-8; SiO ₂ : 2; Độ ẩm: 20
			Ca: 1600; Mg: 1600; S: 2500; Fe: 300; Zn: 500; Cu: 500; B: 200; Mo: 10; Mn: 100; Niacine: 100; Trytophan: 100; Aspartic: 100; NAA: 25

13	Phân bón lá chuyên lúa PM Siêu lớn hạt lúa	%	Axit Humic: 4; Axit Fulgavic: 0,05; P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-45; B ₂ O ₃ : 10; CuO: 1; Chitosan: 0,002
		ppm	Fe: 60; Si: 400; Mn: 10; Zn: 200; Mg: 400; Mo: 5
	Phân bón lá chuyên lúa PM-Kích thích lúa trổ bông	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-10-8; MgO: 1; CaO: 1; Axit Alginic: 0,5; NAA: 0,002; GA3: 0,008
		ppm	Cu: 100; Fe: 150; Mn: 150; Zn: 400
	Phân bón lá chuyên lúa AAA 10-30-30	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-30-30; MgO: 0,3; Zn: 0,1; CaO: 3; B ₂ O ₃ : 2
		ppm	Fe: 150; Mn: 150
	Phân bón lá chuyên lúa AAA 10-60-10	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-60-10
		ppm	Mg: 1500; Zn: 450; Fe: 120; Mn: 150
14	Phân HCVS P.H	%	HC: 15; N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 1-1-1; Độ ẩm: 30
		Cfu/g	VSV cố định đạm, phân giải lân và Xenlulo: 1x10 ⁶ mỗi loại
	Phân HCSH P.H	%	HC: 23; Axit Humic: 3; N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 2,5-1-1; Độ ẩm: 20
			pH: 6,5
	Phân HCK P.H 14-0-1	%	HC: 15; N-K ₂ O: 14-1; CaO: 0,4; S: 6,6; Fe: 0,4; Độ ẩm: 20
	Phân HCK P.H 3-4-1	%	HC: 15; N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 3-4-1; Độ ẩm: 20
	Phân HCK BÔNG LÚA VÀNG 3-3-3+4% Axit Humic	%	HC: 15; Axit Humic: 4; N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 3-3-3; Độ ẩm: 20
	Phân HCK BÔNG LÚA VÀNG 3-6-1+4% Axit Humic	%	HC: 15; Axit Humic: 4; N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 3-6-1; Độ ẩm: 20
	Phân HCK BÔNG LÚA VÀNG 6-2-2+4% Axit Humic	%	HC: 15; Axit Humic: 4; N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 6-2-2; Độ ẩm: 20
	Phân HCK BÔNG LÚA VÀNG 3-2-6+4% Axit Humic	%	HC: 15; Axit Humic: 4; N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 3-2-6; Độ ẩm: 20
15	Phân bón lá Annonggrow-Siêu hoa	%	Thiourea: 98
	Phân bón lá Anonggrow-Siêu đầu trái	%	B: 6; β-NOA: 0,1; α-NAA: 0,2
	Phân bón lá Annonggrow-Chống rụng trái	g/l	CaO: 2; GA3: 0,5
	Phân bón lá Annonggrow-Lớn trái	%	K ₂ O: 12; CaO: 1; GA3: 0,5
		ppm	Zn: 200; Cu: 80; Fe: 100; B: 250
	Phân bón lá Annonggrow-Đẹp & bóng trái	%	N: 6; CaO: 10; MgO: 2; B: 0,1
	Phân bón lá Anonggrow-Siêu kháng phytoph	g/l	P ₂ O _{5hh} : 286
	Phân bón lá Annonggrow-Siêu Magie	g/l	MgO: 300
	Phân bón lá Annonggrow-Siêu Kali	%	K ₂ O: 30
		ppm	Zn: 200; Cu: 80; Fe: 100; B: 250

16	Phân bón lá VT 8-56-8+TE	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 8-56-8
		ppm	Cu: 38; Fe: 1000; Mn: 1000
	Phân bón lá VT 10-55-4+TE	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-54-44
		ppm	Cu: 22; Fe: 700; Mn: 800; Zn: 100
	Phân bón lá VT 3-3-3+ axit Humic	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-3-3; Axit Humic: 7
		ppm	Cu: 22; Fe: 700; Mn: 800; Zn: 100
	Phân bón lá VT V	%	Mg: 0,25; Mn: 0,36; Mo: 0,15; Zn: 0,02; Axit Humic: 2,2; Glycine: 4,5; α-NAA: 0,5
		ppm	Vitamin B1: 6880; Vitamin C: 5550
	Phân HCVS TSN	%	HC: 15; Độ ẩm: 30
		Cfu/g	VSV cố định đạm, phân giải lân và Xenlulo: 1x10 ⁶ mỗi loại
	Phân HCK TSN: 2-4-2	%	HC: 15; N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 2-4-2; Độ ẩm: 20
			pH: 7
	Phân HCK TSN: 4-2-2	%	HC: 15; N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 4-2-2; Độ ẩm: 20
			pH: 7
	Phân HCK TSN: 3-3-3	%	HC: 15; N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 3-3-3; Độ ẩm: 20
			pH: 7
17	Phân bón lá VIP 10-50-10+TE	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-50-10
		ppm	Zn: 100; Fe: 100; B: 500; Cu: 50; Mn: 80
18	Phân bón lá VIP 30-15-15+TE	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 30-15-15
		ppm	Zn: 100; Fe: 100; B: 500; Cu: 50; Mn: 80
19	Phân bón lá VIP 4-7-44+TE	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-7-44
		ppm	Zn: 100; Fe: 100; B: 500; Cu: 50; Mn: 80
20	Phân bón lá VIP Calci Bo	%	CaO: 7; B: 2

Tổ chức, cá nhân
CN TT TT & CG tiến bộ sinh học CITB Cần Thơ - Xưởng phân bón Miền Tây
CT CP Phân bón và Hóa chất Cần Thơ
CS SX Phân bón COVAC
CT TNHH Phân bón

Sao Mai
CT TNHH Trần Kim Nga
CT CP Cao su Sài Gòn KIMDAN
CT TNHH Nông sản Nông dược ĐH Cần
CT TNHH 01 TV DVPT Nông nghiệp Đồng Tháp
CT CP Nông Dược Việt Thành
DNTN Ngọc Trung

DNTN Lê Hùng Tân

CT TNHH Thạnh
Hưng

CT CP Đại Nông

CT TNHH TM
Trường Hải

CT TNHH Kỹ thuật NN Phú Mỹ
CT TNHH P-H
CT CP Hóa Nông Lúa Vàng
CT TNHH An Nông

CS SX phân bón lá
Việt Thôn

CT CP Đầu tư Phát
triển Tâm Sinh Nghĩa

CT TNHH V.I.P